

Bản án số: 200/2020/HS-PT

Ngày: 17-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết và bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 193/2020/HSPT ngày 08/7/2020 đối với bị cáo Nguyễn Đức H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án HSST số 32/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1987, tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKHKTT: xã B, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Đức C, sinh năm: 1953 và bà Ngô Thị D, sinh năm: 1956; bị cáo có vợ là Trần Thị C1, sinh năm: 1988 (đã ly hôn) có 01 con sinh năm: 2007;

Tiền án: 04 tiền án (ngày 15/4/2010, Toà án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 47/2010/HSST. Ngày 18/5/2011, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù giam về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo bản án số 128/2011/HSST. Ngày 16/01/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo bản án số 13/2013/HSPT. Ngày 29/01/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 39/2016/HSPT; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/11/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian tháng 11 năm 2019, Nguyễn Đức H, sinh năm 1987, trú tại xã B, huyện T, tỉnh Nghệ An đã thực hiện 01 vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện G và 02 vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố T1. Cụ thể, như sau:

Vụ thứ nhất: Do H có quen biết trước với chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1975, trú tại phường L, thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk nên vào khoảng 15 giờ ngày 01/11/2019, H và chị P rủ nhau đến thuê phòng tại nhà nghỉ TH trên đường H, thành phố T1 để ngủ lại. Tại đây, khi thấy chị P đến nhà nghỉ bằng xe mô tô biển kiểm soát: 48F9-3178 (chị P mua của ông Nguyễn Thanh Q, địa chỉ: xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông có giấy mua bán xe) nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị P bán lấy tiền tiêu xài. Vì vậy, khoảng 06 giờ ngày 02/11/2019, H nói dối chị P là H có người nhà ốm nằm ở bệnh viện W, địa chỉ số phường A, thành phố T1 và rủ chị P đi thăm thì chị P đồng ý và giao chìa khóa xe mô tô cho H điều khiển xe chở chị P đến bệnh viện W. Sau khi gửi xe tại nhà xe của bệnh viện W, H cất chìa khóa xe và thẻ gửi xe rồi cùng chị P lại ăn sáng tại căn tin bệnh viện. Trong lúc ăn sáng, H nói dối chị P “em đợi anh ở đây, anh vào bệnh viện thăm dì tí” thì chị P tin tưởng ngồi ở căn tin chờ H. Sau đó, H đi ra nhà xe bệnh viện lấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48F9-3178 của chị P điều khiển đến trường Đại học TN rồi đón xe khách đưa xe mô tô lên xe khách đi đến thị xã N2, tỉnh Đắk Nông. Khi đến thị xã N2 H xuống xe và lấy xe mô tô đi thì H mở cốp xe mô tô thấy có số tiền 1.700.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Iphone 6 Plus, màu hồng; 01 điện thoại hiệu OPPO Neo 7, màu đen; 01 điện thoại hiệu Viettel. Sau đó, H điều khiển xe đi về hướng Bình Phước tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi H bán chiếc xe trên cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 4.000.000 đồng và bán 03 chiếc điện thoại nêu trên với giá 2.000.000 đồng rồi đón xe khách lên Thành phố Hồ Chí Minh tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ hai: Ngày 11/11/2019, H đi xe khách từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố T1 rồi gọi điện cho chị Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1971, trú tại: xã T2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là người quen đến đón H. Khoảng 11 giờ cùng ngày, chị N1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 47B2 - 459.49 đến khu vực quán Karaoke F, đón H rồi cả hai đi đến quán ăn trên đường D, thành phố T1 ăn trưa. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên của chị N1 để bán lấy tiền tiêu xài nên H hỏi mượn xe của chị N1: “Chị cho em mượn xe chạy lên đây tí” thì chị N1 đồng ý và

giao chìa khóa xe cho H. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 47B2 - 459.49 đi tìm người quen mượn tiền mục đích để làm lộ phí trốn đi Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này, H lục tìm trong cốp xe thì thấy có một ví nữ bên trong có một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và một ít tiền lẻ khoảng 5.000 đồng cùng giấy tờ tùy thân của chị N1 nên H điều khiển xe đến huyện M, tỉnh Đắk Nông đón xe khách rồi đưa xe mô tô lên xe đi đến Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, H sử dụng xe mô tô của chị N1 chạy xe thồ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 08 giờ ngày 14/11/2019, H chở một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) từ cầu vượt X, quận Đ đến khu vực cầu Đồng Nai. Trên đường đi H nói cần bán chiếc xe biển kiểm soát: 47B2-459.49 thì người phụ nữ hỏi nguồn gốc xe này, H nói dối là xe mô tô trên của chị gái cho H do cần tiền nên H bán. Sau đó H đã bán chiếc xe này cho người phụ nữ trên với giá 10.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Vào ngày 18/11/2019, Nguyễn Đức H tới thuê phòng số 02 tại nhà nghỉ ĐT, địa chỉ: Thị trấn E, huyện G do chị Võ Thị N3, sinh năm: 1972 làm chủ để nghỉ. Khoảng 10 giờ ngày 20/11/2019, H mượn xe mô tô biển kiểm soát: 47P2-2299, nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, màu sơn trắng - đen của chị N3 để đi cắt tóc và được chị N3 đồng ý. Sau đó, chị N3 giao xe mô tô biển kiểm soát: 47P2-2299 (bên trong cốp có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô) cho H. Khi điều khiển xe mô tô trên đường thì H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên mang đi bán lấy tiền tiêu xài nên H đã điều khiển xe mô tô đến huyện J, tỉnh Đắk Nông và đưa xe mô tô lên xe khách để đi Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì H gặp một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) và bán chiếc xe mô tô trên với giá 10.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá số 105/KL-HĐĐGTS ngày 27/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cư M'gar kết luận: 01 xe mô tô biển số 47P2-2299, nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, số khung RLHJF18068Y841606, số máy JF18E5450989, màu sơn trắng- đen, xe mua tháng 8/2009. Giá trị còn lại 19.700.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 303/KLĐG ngày 11/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T1 kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu đen bạc, biển số 48F9-3178, số máy 22B3005201, số khung RLCM23B308Y005201, trị giá 4.300.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 302/KLĐG ngày 11/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T1 kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biển số 47B1-459.49, số máy JF33E0072606, số khung RLHJF3303CY072493, trị giá 13.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 29/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cư M'gar kết luận: 01 điện thoại di

động hiệu Iphone 6 Plus, màu hồng mua vào tháng 10/2019, giá trị còn lại là 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Neo 7, màu đen, mua vào năm 2017, giá trị còn lại là 600.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Viettel, bàn phím bấm, mua vào năm 2010, giá trị còn lại là 50.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HSST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức H 04 (bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo Nguyễn Đức H phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/11/2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/5/2020, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đồng thời cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS cho cả hai tội đối với bị cáo là không đúng; tài sản bị cáo chiếm đoạt đối với hai tội là dưới 50.000.000 đồng nên đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ là gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm: Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 175 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, án sơ thẩm không tuyên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là thiếu sót. Xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Vì vậy, đề

ng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H – Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Vào các ngày 02 và ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk bị cáo H bằng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 48F9- 3178 cùng với số tiền 1.700.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Iphone 6 Plus màu hồng, 01 điện thoại Oppo Neo 7 màu đen, 01 điện thoại hiệu Viettel của chị Nguyễn Thị Kim P và xe mô tô biển kiểm soát 47B2-459.49 cùng số tiền 505.000 đồng và giấy tờ cá nhân để trong cốp xe của chị Nguyễn Thị N1, giá trị tài sản chiếm đoạt là 22.155.000 đồng; vào khoảng 10 giờ ngày 20/11/2019 bị cáo H lợi dụng lòng tin của chị Võ Thị N3 để mượn xe mô tô biển kiểm soát 47P2- 2299 sau đó mang đi bán, giá trị tài sản chiếm đoạt là 19.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 41.855.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 174 và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt 04 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 năm 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bởi lẽ, bị cáo phạm tội với tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm” đối với cả hai tội, do trước đó bị cáo đã có 04 tiền án cũng về các tội xâm phạm sở hữu, chưa được xóa án tích; bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội; Trong vụ án này bị cáo hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mỗi lần thực hiện đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa lần nào bị đưa ra xét xử nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng quy định.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh của xã hội tại địa phương; Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị. Song do ý thức coi thường pháp luật vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 41.855.000 đồng, nên việc bị cáo kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ là gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS là không có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo khi quyết định hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, mà cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar về phần hình phạt.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar về hình phạt.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức H 04 (bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo Nguyễn Đức H phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06

(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 28/11/2019.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Công an huyện Cư M'gar;
- Chi cục T.H.A DS huyện G;
- Cơ quan T.H.A HS CA huyện Cư M'gar;
- Công thông tin điện tử Toà án;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nhung